

Đơn vị: TRƯỜNG MN AN SINH A
Chương: 622 Loại 070 Khoản 071

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 05 tháng 04 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-PGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều " về việc giao dự toán ngân sách năm 2021"

Trường Mầm non An Sinh A công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2021 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Thực hiện quý I năm 2021	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	45.000.000		0	
1	Học phí	45.000.000		0	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.455.000.000	722.328.300	21	88
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.230.000.000	722.328.300	22	88
<u>1</u>	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>2.657.000.000</u>	<u>641.557.900</u>	24	102
	Mục 6000: Tiền lương	1.345.000.000	326.707.800	24	99
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				
	Mục 6100: Phụ cấp lương	920.000.000	224.288.100	24	105
	Mục 6200: Tiền thưởng	14.000.000		0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	12.000.000		0	

	Mục 6300: Các khoản đóng góp	366.000.000	90.562.000	25	106
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá r	-			
<u>2</u>	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>543.000.000</u>	<u>55.406.400</u>	<i>10</i>	33
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	70.000.000	2.374.800	3	14
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	81.000.000		0	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	5.000.000	66.000	1	100
	Mục 6650: Hội nghị	12.000.000		0	
	Mục 6700: Công tác phí	20.000.000	2.370.000	12	81
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	60.000.000	15.555.600	26	300
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	160.000.000	24.222.000	15	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	30.000.000		0	
	Mục 7000: Chí phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	93.000.000	5.218.000	6	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	12.000.000	5.600.000	47	
<u>3</u>	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>30.000.000</u>	<u>25.364.000</u>	85	91
	Mục 7750: Chi khác	30.000.000	25.364.000	85	91
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	225.000.000			
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	225.000.000			

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Huyền

824.791.000
824.791.000
<u>629.458.600</u>
329.654.200
214.210.500

85.593.900
<u>167.376.500</u>
16.841.300
14.200.000
66.000
2.910.000
5.185.200
118.518.000
1.056.000
8.600.000
<u>27.955.900</u>
27.955.900